ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Số: /TB-ĐHSP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng 5 năm 2026

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông báo số 715/TB-ĐHSP ngày 04/5/2026 của Trường Đại học Sư phạm – ĐHĐN)

BẢNG 1
DANH MỤC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐƯỢC XÉT CỘNG ĐIỂM TRONG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026
Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích trong kỳ thi HSG quốc gia năm 2024, 2025, 2026

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Môn đạt giải								Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)								(6)
				Toán học	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	
1	DDS	Giáo dục Tiểu học	7140202	x					x			***Điểm thưởng:** - Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; 1. **Nhóm 1:** đối tượng được cộng 2,00 điểm *+ Thí sinh đạt giải Nhất trong kỳ thi HSG QG với môn phù hợp với ngành dự tuyển;* *2. Nhóm 2: đối tượng được cộng 1,50 điểm* *+ Thí sinh đạt giải Nhì trong kỳ thi HSG QG với môn phù hợp với ngành dự tuyển;* *3. Nhóm 3: đối tượng được cộng 1,25 điểm* *+ Thí sinh đạt giải Ba trong kỳ thi HSG QG với môn phù hợp với ngành dự tuyển.* *** Điểm xét thưởng:** Nhóm 4: đối tượng được cộng 1,00 điểm + Thí sinh đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi HSG QG với môn phù hợp với ngành dự tuyển. - Xét giải các năm 2024, 2025, 2026;
2	DDS	Giáo dục Mầm non	7140201	x					x			
3	DDS	Giáo dục Chính trị	7140205						x			
4	DDS	Sư phạm Toán học	7140209	x								
5	DDS	Sư phạm Tin học	7140210	x				x				
6	DDS	Sư phạm Vật lý	7140211		x							
7	DDS	Sư phạm Hóa học	7140212			x						
8	DDS	Sư phạm Sinh học	7140213				x					
9	DDS	Sư phạm Ngữ văn	7140217						x			
10	DDS	Sư phạm Lịch sử	7140218							x		
11	DDS	Sư phạm Địa lý	7140219								x	
12	DDS	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247		x	x	x					
13	DDS	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249							x	x	
14	DDS	Giáo dục Công dân	7140204						x			
15	DDS	Giáo dục pháp luật	7140248						x			

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Môn đạt giải								Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)								(6)
				Toán học	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	
16	DDS	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	7140250	x				x				
17	DDS	Công nghệ giáo dục	7140103	x	x	x		x	x			
18	DDS	Công nghệ sinh học	7420201	x	x	x	x	x				
19	DDS	Hóa học Chuyên ngành Hóa Dược	7440112 A	x	x	x	x					
		Hóa học Chuyên ngành Hóa phân tích - Ứng dụng	7440112 B	x	x	x	x					
20	DDS	Công nghệ thông tin	7480201	x	x	x		x				
21	DDS	Văn học	7229030						x	x	x	
22	DDS	Lịch sử (chuyên ngành Quan hệ quốc tế)	7229010						x	x	x	
23	DDS	Địa lý học (chuyên ngành Địa lý du lịch)	7310501						x	x	x	
24	DDS	Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa du lịch)	7310630						x	x	x	
25	DDS	Văn hóa học	7229040						x	x	x	
26	DDS	Tâm lý học, gồm các định hướng: 1. Tâm lý học trường học và tổ chức 2. Tâm lý học lâm sàng	7310401	x	x	x	x	x	x	x	x	
27	DDS	Công tác xã hội	7760101	x	x	x	x	x	x	x	x	
28	DDS	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	7760103	x	x	x	x	x	x	x	x	
29	DDS	Báo chí	7320101	x					x	x	x	
30	DDS	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	x	x	x	x	x	x	x	x	

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Môn đạt giải								Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)								(6)
				Toán học	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	
31	DDS	Nông nghiệp (Chuyên ngành Nông nghiệp thông minh)	7620101	x	x	x	x	x				
32	DDS	Vật lý kỹ thuật	7520401	x	x			x				
33	DDS	Khoa học dữ liệu	7460108	x				x				
34	DDS	Quan hệ công chúng	7320108	x					x	x	x	

BẢNG 2
DANH MỤC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐƯỢC XÉT CỘNG ĐIỂM TRONG TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026
Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba và Tư trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia năm 2024, 2025, 2026

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Lĩnh vực đạt giải											Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)											
				Khoa học xã hội và hành vi	Vi sinh	Sinh học trên máy tính và Sinh – Tin	Sinh học tế bào và phân tử	Hóa sinh	Hóa học	Toán học	Phần mềm hệ thống	Năng lượng (Vật lý)	Khoa học trái đất và Môi trường	Tài nguyên và Môi trường	
1	DDS	Giáo dục Tiểu học	7140202	x						x					*** Điểm thưởng:** - Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; 1. **Nhóm 1**: đối tượng được cộng 2,00 điểm + *Thí sinh đạt giải Nhất trong kỳ thi KHKT QG với lĩnh vực phù hợp với ngành dự tuyển*; 2. **Nhóm 2**: đối tượng được cộng 1,75 điểm + *Thí sinh đạt giải Nhì trong*
2	DDS	Giáo dục Mầm non	7140201	x											
3	DDS	Giáo dục Chính trị	7140205	x											
4	DDS	Sư phạm Toán học	7140209	x						x					
5	DDS	Sư phạm Tin học	7140210	x						x	x				
6	DDS	Sư phạm Vật lý	7140211	x								x			
7	DDS	Sư phạm Hóa học	7140212	x				x	x						
8	DDS	Sư phạm Sinh học	7140213	x	x	x	x	x							
9	DDS	Sư phạm Ngữ văn	7140217	x											
10	DDS	Sư phạm Lịch sử	7140218	x											
11	DDS	Sư phạm Địa lý	7140219	x											
12	DDS	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	x	x	x	x	x	x	x		x	x		
13	DDS	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249	x											
14	DDS	Giáo dục Công dân	7140204	x											
15	DDS	Giáo dục pháp luật	7140248	x											

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Lĩnh vực đạt giải											Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)											
				Khoa học xã hội và hành vi	Vi sinh	Sinh học trên máy tính và Sinh – Tin	Sinh học tế bào và phân tử	Hóa sinh	Hóa học	Toán học	Phần mềm hệ thống	Năng lượng (Vật lý)	Khoa học trái đất và Môi trường	Tài nguyên và Môi trường	
16	DDS	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	7140250	x						x	x				*kỳ thi KHKT QG với lĩnh vực phù hợp với ngành dự tuyển;* 3. **Nhóm 3**: đối tượng được cộng 1,25 điểm *+ Thí sinh đạt giải Ba trong kỳ thi KHKT QG với lĩnh vực phù hợp với ngành dự tuyển.* *** Điểm xét thưởng:** **Nhóm 4**: đối tượng được cộng 1,00 điểm *+ Thí sinh đạt giải Tư trong kỳ thi KHKT QG với lĩnh vực phù hợp với ngành dự tuyển.* - Xét giải các
17	DDS	Công nghệ giáo dục	7140103	x						x	x				
18	DDS	Công nghệ sinh học	7420201		x	x	x	x	x				x	x	
19	DDS	Hóa học Chuyên ngành Hóa Dược	7440112A					x	x				x	x	
		Hóa học Chuyên ngành Hóa phân tích - Ứng dụng	7440112B					x	x				x	x	
20	DDS	Công nghệ thông tin	7480201							x	x				
21	DDS	Văn học	7229030	x											
22	DDS	Lịch sử (chuyên ngành Quan hệ quốc tế)	7229010	x											
23	DDS	Địa lý học (chuyên ngành Địa lý du lịch)	7310501	x											
24	DDS	Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa du lịch)	7310630	x											
25	DDS	Văn hóa học	7229040	x											

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Lĩnh vực đạt giải											Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)											
				Khoa học xã hội và hành vi	Vi sinh	Sinh học trên máy tính và Sinh – Tin	Sinh học tế bào và phân tử	Hóa sinh	Hóa học	Toán học	Phần mềm hệ thống	Năng lượng (Vật lý)	Khoa học trái đất và Môi trường	Tài nguyên và Môi trường	
26	DDS	Tâm lý học, gồm các định hướng: 1. Tâm lý học trường học và tổ chức 2. Tâm lý học lâm sàng	7310401	x											năm 2024, 2025, 2026;
27	DDS	Công tác xã hội	7760101	x											
28	DDS	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	7760103	x											
29	DDS	Báo chí	7320101	x											
30	DDS	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	x	x	x	x	x					x	x	
31	DDS	Nông nghiệp (Chuyên ngành Nông nghiệp thông minh)	7620101		x	x	x	x					x	x	
32	DDS	Vật lý kỹ thuật	7520401									x			
33	DDS	Khoa học dữ liệu	7460108							x	x				
34	DDS	Quan hệ công chúng	7320108	x											

BẢNG 3
DANH MỤC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH VÀ TIÊU CHÍ XÉT CỘNG ĐIỂM KHÁC TRONG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Đối tượng							Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)							(6)
				Chứng chỉ Tiếng Anh	Đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải Thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia	Đoạt giải chính thức (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc	Đoạt giải chính thức (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về mỹ thuật	Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ	Thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận	Thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận	
1	DDS	Giáo dục Tiểu học	7140202	x							Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; **I. Điểm xét thưởng** Thí sinh thuộc Nhóm này được cộng điểm lần lượt như sau: 1. Nhóm 5: đối tượng được cộng 0,75 điểm - Thí sinh đoạt huy chương vàng các giải
2	DDS	Giáo dục Chính trị	7140205	x							
3	DDS	Sư phạm Toán học	7140209	x							
4	DDS	Sư phạm Tin học	7140210	x							
5	DDS	Sư phạm Vật lý	7140211	x							

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Đối tượng							Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)							(6)
				Chứng chỉ Tiếng Anh	Đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải Thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia	Đoạt giải chính thức (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc	Đoạt giải chính thức (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về mỹ thuật	Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ	Thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận	Thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận	
6	DDS	Sư phạm Hóa học	7140212	x							Thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia xét tuyển vào ngành Giáo dục thể chất; - Thí sinh đoạt giải chính thức (Nhất hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật
7	DDS	Sư phạm Sinh học	7140213	x							
8	DDS	Sư phạm Ngữ văn	7140217	x							
9	DDS	Sư phạm Lịch sử	7140218	x							
10	DDS	Sư phạm Địa lý	7140219	x							
11	DDS	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	x							

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Đối tượng							Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)							(6)
				Chứng chỉ Tiếng Anh	Đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải Thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia	Đoạt giải chính thức (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc	Đoạt giải chính thức (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về mỹ thuật	Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ	Thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận	Thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận	
12	DDS	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249	x							chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, dự tuyển vào ngành Sư phạm Âm nhạc; mỹ thuật dự tuyển vào ngành Sư phạm Mỹ thuật. - Xét giải các năm 2023, 2024, 2025, 2026. 2. Nhóm 6: đối tượng được cộng 0,5 điểm - Thí sinh đoạt huy
13	DDS	Giáo dục Công dân	7140204	x							
14	DDS	Giáo dục pháp luật	7140248	x							
15	DDS	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	7140250	x							
16	DDS	Công nghệ sinh học	7420201	x							

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Đối tượng							Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)							(6)
				Chứng chỉ Tiếng Anh	Đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải Thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia	Đoạt giải chính thức (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc	Đoạt giải chính thức (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về mỹ thuật	Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ	Thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận	Thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận	
17	DDS	Hóa học, gồm các chuyên ngành: 1. Hóa Dược; 2. Hóa phân tích môi trường	7440112	x							chương bạc các giải Thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm xét tuyển vào ngành Giáo dục thể chất. - Thí sinh đoạt giải chính thức (Nhì hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, dự tuyển vào ngành Sư phạm Âm nhạc; mỹ thuật dự
18	DDS	Công nghệ thông tin	7480201	x							
19	DDS	Văn học	7229030	x							
20	DDS	Lịch sử (chuyên ngành Quan hệ quốc tế)	7229010	x							

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Đối tượng							Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)							(6)
				Chứng chỉ Tiếng Anh	Đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải Thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia	Đoạt giải chính thức (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc	Đoạt giải chính thức (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về mỹ thuật	Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ	Thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận	Thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận	
21	DDS	Địa lý học (chuyên ngành Địa lý du lịch)	7310501	x							tuyển vào ngành Sư phạm Mỹ thuật. - Xét giải các năm 2023, 2024, 2025, 2026. 3. **Nhóm 7**: đối tượng được cộng 0,25 điểm - Thí sinh đoạt huy chương đồng các giải Thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm xét tuyển vào ngành Giáo dục thể chất.
22	DDS	Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa du lịch)	7310630	x							
23	DDS	Văn hóa học	7229040	x							
24	DDS	Tâm lý học, gồm các chuyên ngành: 1. Tâm lý học trường	7310401	x							

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Đối tượng							Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)							(6)
				Chứng chỉ Tiếng Anh	Đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải Thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia	Đoạt giải chính thức (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc	Đoạt giải chính thức (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về mỹ thuật	Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ	Thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận	Thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận	
		học và tổ chức 2. Tâm lý học lâm sàng									- Thí sinh đoạt giải chính thức (Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, dự tuyển vào ngành Sư phạm Âm nhạc; mỹ thuật dự tuyển vào ngành Sư phạm Mỹ thuật. - Xét giải các năm 2023, 2024, 2025, 2026.
25	DDS	Công tác xã hội	7760101	x							
26	DDS	Báo chí	7320101	x							
27	DDS	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	x							
28	DDS	Vật lý kỹ thuật	7520401	x							
29	DDS	Khoa học dữ liệu	7460108	x							

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Đối tượng							Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)							(6)
				Chứng chỉ Tiếng Anh	Đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải Thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia	Đoạt giải chính thức (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc	Đoạt giải chính thức (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về mỹ thuật	Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ	Thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận	Thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận	
30	DDS	Quan hệ công chúng	7320108	x							**II. Điểm Khuyến khích** 1. **Nhóm 8**: đối tượng được cộng 0,25 điểm - Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh (tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam): + IELTS: 5.5 - 6.5; + TOEFL iBT: 46 - 93; + TOEIC: Nghe: 400 - 489, Đọc: 385 - 454, Nói: 160 - 179, Viết: 150 - 179;
31	DDS	Sư phạm Mỹ thuật	7140222	x			x			x	
32	DDS	Giáo dục Mầm non	7140201	x							
33	DDS	Sư phạm Âm nhạc	7140221	x		x			x		
34	DDS	Giáo dục Thể chất	7140206	x	x			x			

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Đối tượng							Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)							(6)
				Chứng chỉ Tiếng Anh	Đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải Thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia	Đoạt giải chính thức (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc	Đoạt giải chính thức (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về mỹ thuật	Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ	Thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận	Thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận	
											2. **Nhóm 9**: đối tượng được cộng 0,5 điểm - Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh (tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam): + IELTS: Từ 7.0 trở lên; + TOEFL iBT: Từ 94 trở lên; + TOEIC: Từ (Nghe: ≥ 490, Đọc ≥ 455, Nói ≥ 180, Viết ≥ 180) trở lên.

BẢNG 4
DANH MỤC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐƯỢC XÉT CỘNG ĐIỂM TRONG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026
Thí sinh đạt giải Nhất trong kỳ thi HSG cấp tỉnh/thành phố năm 2024, 2025, 2026

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Môn đạt giải								Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)								(6)
				Toán học	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	
1	DDS	Giáo dục Tiểu học	7140202	x					x			*** Điểm xét thưởng:** **Nhóm 5:** đối tượng được cộng 0,75 điểm + *Thí sinh đạt giải Nhất trong kỳ thi HSG tỉnh/thành phố với môn phù hợp với ngành dự tuyển.* - Xét giải các năm 2024, 2025, 2026;
2	DDS	Giáo dục Mầm non	7140201	x					x			
3	DDS	Giáo dục Chính trị	7140205						x			
4	DDS	Sư phạm Toán học	7140209	x								
5	DDS	Sư phạm Tin học	7140210	x				x				
6	DDS	Sư phạm Vật lý	7140211		x							
7	DDS	Sư phạm Hóa học	7140212			x						
8	DDS	Sư phạm Sinh học	7140213				x					
9	DDS	Sư phạm Ngữ văn	7140217						x			
10	DDS	Sư phạm Lịch sử	7140218							x		
11	DDS	Sư phạm Địa lý	7140219								x	
12	DDS	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247		x	x	x					
13	DDS	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249							x	x	
14	DDS	Giáo dục Công dân	7140204						x			
15	DDS	Giáo dục pháp luật	7140248						x			
16	DDS	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	7140250	x				x				
17	DDS	Công nghệ giáo dục	7140103	x	x	x		x	x			
18	DDS	Công nghệ sinh học	7420201	x	x	x	x	x				

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Môn đạt giải								Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)								(6)
				Toán học	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	
19	DDS	Hóa học Chuyên ngành Hóa Dược	7440112A	x	x	x	x					
		Hóa học Chuyên ngành Hóa phân tích - Ứng dụng	7440112B	x	x	x	x					
20	DDS	Công nghệ thông tin	7480201	x	x	x		x				
21	DDS	Văn học	7229030						x	x	x	
22	DDS	Lịch sử (chuyên ngành Quan hệ quốc tế)	7229010						x	x	x	
23	DDS	Địa lý học (chuyên ngành Địa lý du lịch)	7310501						x	x	x	
24	DDS	Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa du lịch)	7310630						x	x	x	
25	DDS	Văn hóa học	7229040						x	x	x	
26	DDS	Tâm lý học, gồm các định hướng: 1. Tâm lý học trường học và tổ chức 2. Tâm lý học lâm sàng	7310401	x	x	x	x	x	x	x	x	
27	DDS	Công tác xã hội	7760101	x	x	x	x	x	x	x	x	
28	DDS	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	7760103	x	x	x	x	x	x	x	x	
29	DDS	Báo chí	7320101	x					x	x	x	
30	DDS	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	x	x	x	x	x	x	x	x	

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Môn đạt giải								Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)								(6)
				Toán học	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	
31	DDS	Nông nghiệp (Chuyên ngành Nông nghiệp thông minh)	7620101	x	x	x	x	x				
32	DDS	Vật lý kỹ thuật	7520401	x	x			x				
33	DDS	Khoa học dữ liệu	7460108	x				x				
34	DDS	Quan hệ công chúng	7320108	x					x	x	x	

BẢNG 5
DANH MỤC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐƯỢC XÉT CỘNG ĐIỂM TRONG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026
Thí sinh đạt giải Nhì, Ba trong kỳ thi HSG cấp tỉnh/thành phố năm 2024, 2025, 2026

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Môn đạt giải								Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)								(6)
				Toán học	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	
1	DDS	Công nghệ giáo dục	7140103	x	x	x		x	x			*** Điểm xét thưởng:** **Nhóm 6:** đối tượng được cộng 0,50 điểm *+ Thí sinh đạt giải Nhì trong kỳ thi HSG tỉnh/thành phố với môn phù hợp với ngành dự tuyển;* + Xét giải các năm 2024, 2025, 2026. Nhóm 7: đối tượng được cộng 0,25 điểm *+ Thí sinh đạt giải Ba trong kỳ thi HSG tỉnh/thành phố với môn phù hợp với ngành dự tuyển;* + Xét giải các năm 2024, 2025, 2026.
2	DDS	Công nghệ sinh học	7420201	x	x	x	x	x				
3	DDS	Hóa học Chuyên ngành Hóa Dược	7440112A	x	x	x	x					
		Hóa học Chuyên ngành Hóa phân tích - Ứng dụng	7440112B	x	x	x	x					
4	DDS	Công nghệ thông tin	7480201	x	x	x		x				
5	DDS	Văn học	7229030						x	x	x	
6	DDS	Lịch sử (chuyên ngành Quan hệ quốc tế)	7229010						x	x	x	
7	DDS	Địa lý học (chuyên ngành Địa lý du lịch)	7310501						x	x	x	
8	DDS	Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa du lịch)	7310630						x	x	x	
9	DDS	Văn hóa học	7229040						x	x	x	
10	DDS	Tâm lý học, gồm các định hướng: 1. Tâm lý học trường học và	7310401	x	x	x	x	x	x	x	x	

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Môn đạt giải								Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)								(6)
				Toán học	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	
		tổ chức 2. Tâm lý học lâm sàng										
11	DDS	Công tác xã hội	7760101	x	x	x	x	x	x	x	x	
12	DDS	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	7760103	x	x	x	x	x	x	x	x	
13	DDS	Báo chí	7320101	x					x	x	x	
14	DDS	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	x	x	x	x	x	x	x	x	
15	DDS	Nông nghiệp (Chuyên ngành Nông nghiệp thông minh)	7620101	x	x	x	x	x				
16	DDS	Vật lý kỹ thuật	7520401	x	x			x				
17	DDS	Khoa học dữ liệu	7460108	x				x				
18	DDS	Quan hệ công chúng	7320108	x					x	x	x	

BẢNG 6
DANH MỤC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐƯỢC XÉT CỘNG ĐIỂM TRONG TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026
Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố năm 2024, 2025, 2026

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Lĩnh vực đạt giải											Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)											
				Khoa học xã hội và hành vi	Vi sinh	Sinh học trên máy tính và Sinh – Tin	Sinh học tế bào và phân tử	Hóa sinh	Hóa học	Toán học	Phần mềm hệ thống	Năng lượng (Vật lý)	Khoa học trái đất và Môi trường	Tài nguyên và Môi trường	
1	DDS	Công nghệ giáo dục	7140103	x						x	x				**Điểm xét thưởng:** **Nhóm 5:** đối tượng được cộng 0,75 điểm Tthí sinh đạt giải Nhất kỳ thi KHKT cấp tỉnh/thành phố với lĩnh vực phù hợp với ngành dự
2	DDS	Công nghệ sinh học	7420201		x	x	x	x	x				x	x	
3	DDS	Hóa học Chuyên ngành Hóa Dược	7440112 A					x	x				x	x	
		Hóa học Chuyên ngành Hóa phân tích - Ứng dụng	7440112 B					x	x				x	x	
4	DDS	Công nghệ thông tin	7480201							x	x				
5	DDS	Văn học	7229030	x											

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Lĩnh vực đạt giải											Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)											
				Khoa học xã hội và hành vi	Vi sinh	Sinh học trên máy tính và Sinh – Tin	Sinh học tế bào và phân tử	Hóa sinh	Hóa học	Toán học	Phần mềm hệ thống	Năng lượng (Vật lý)	Khoa học trái đất và Môi trường	Tài nguyên và Môi trường	
6	DDS	Lịch sử (chuyên ngành Quan hệ quốc tế)	7229010	x											tuyển; Xét giải các năm 2024, 2025, 2026. **Nhóm 6:** đối tượng được cộng 0,50 điểm - Thí sinh đạt giải Nhì trong kỳ thi KHKT cấp tỉnh/thành phố với lĩnh vực phù hợp với ngành dự tuyển; Xét giải các năm 2024, 2025, 2026.
7	DDS	Địa lý học (chuyên ngành Địa lý du lịch)	7310501	x											
8	DDS	Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa du lịch)	7310630	x											
9	DDS	Văn hóa học	7229040	x											
10	DDS	Tâm lý học, gồm các định hướng: 1. Tâm lý học trường học và tổ chức 2. Tâm lý học lâm sàng	7310401	x											
11	DDS	Công tác xã hội	7760101	x											

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Lĩnh vực đạt giải											Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)											
				Khoa học xã hội và hành vi	Vi sinh	Sinh học trên máy tính và Sinh – Tin	Sinh học tế bào và phân tử	Hóa sinh	Hóa học	Toán học	Phần mềm hệ thống	Năng lượng (Vật lý)	Khoa học trái đất và Môi trường	Tài nguyên và Môi trường	
12	DDS	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	7760103	x											**Nhóm 7:** đối tượng được cộng 0,25 điểm - Thí sinh đạt giải Ba trong kỳ thi KHKT cấp tỉnh/thành phố với lĩnh vực phù hợp với ngành dự tuyển - Xét giải các năm 2024, 2025, 2026.
13	DDS	Báo chí	7320101	x											
14	DDS	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	x	x	x	x	x					x	x	
15	DDS	Nông nghiệp (Chuyên ngành Nông nghiệp thông minh)	7620101		x	x	x	x					x	x	
16	DDS	Vật lý kỹ thuật	7520401									x			
17	DDS	Khoa học dữ liệu	7460108							x	x				
18	DDS	Quan hệ công chúng	7320108	x											